

## SỰ SÁNG TẠO CỦA VĂN HÓA GIAO TIẾP QUA TỤC NGŨ TRONG KHO TÀNG TRI THỨC DÂN GIAN

### VĂN TẶNG

Hội Văn nghệ Dân gian Việt Nam

**T**ục ngữ là kho tàng biểu đạt ngôn ngữ tinh tế của dân tộc ta. Sự diễn đạt của tục ngữ luôn luôn là điều hấp dẫn, lôi cuốn qua văn hóa giao tiếp hàng ngày, trong mọi góc độ cuộc sống. Và tục ngữ còn tạo nên sự thú vị cho bao người biết thưởng thức nó. Tục ngữ luôn luôn gần gũi và thường xuất hiện bất chợt từ mọi tình huống của cuộc sống, trong từng chôn lặng của tư duy như là sự bất kỳ xuất ý mà tài hoa vậy.

Có thể nói, mảnh đất tục ngữ đã được cày xới thuần thục như đồng ruộng gieo trồng đất nào cây nấy của người nông dân Việt Nam từ bao đời. Bởi vậy có thể khẳng định, tục ngữ ra đời rất sớm cùng với khả năng văn hóa giao tiếp của con người nơi này, nơi kia, nó được xem là sản phẩm của tư duy sáng tạo nhất để biểu đạt tri thức, kinh nghiệm quý báu, những triết lý sống sâu sắc, thâm thúy và không kém phần trau chuốt nghệ thuật thông qua sự sàng lọc thể hệ này bàn giao khách quan sang thế hệ khác.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dạy chúng ta xem tục ngữ, thành ngữ “là những viên ngọc quý”, bởi nó luôn lóng lánh và sáng ngời. Nhờ nhận thức vậy mà Bác biết vận dụng tục ngữ, thành ngữ trong lúc nói chuyện và trong lúc viết bài chính luận một cách nhuần nhuyễn và sáng tạo, nhằm mục đích cho giữa người nói và người nghe, người viết và người đọc không có khoảng cách. Cũng bởi thế mà văn phong của Bác luôn chuẩn mực, giàu tính phong độ của bút pháp cũng như phong độ khẩu truyền.

M. Goóc Ki, nhà văn cộng sản Nga vĩ đại

rất quan tâm tìm hiểu cách nói của nhân dân trong tục ngữ và từng khuyên những nhà văn trẻ cần phải học tập, sử dụng thành thạo tục ngữ như sử dụng bàn tay của mình.

Các nhà nghiên cứu dân gian (Folklor) lâu nay đã có nhiều nhận xét về tục ngữ, xem tục ngữ như là những sáng tác cực nhỏ nhưng hội đủ những yếu tố cơ bản của văn chương. Nghĩa là nó có vần, nhịp, có các cấu trúc thi pháp luận như: cấu trúc sóng đôi, cấu trúc so sánh, cấu trúc biền ngẫu, cấu trúc nghịch, thuận,... và sử dụng rộng rãi hầu như trong tất cả các phong cách chức năng ngôn ngữ, nhất là ở phong cách khẩu ngữ. Chính phong cách khẩu ngữ là thế mạnh để tạo ra tục ngữ, thành ngữ trong các trạng huống, hoàn cảnh cho phép nó ra đời, kiểu “xuất khẩu thành văn”.

Nhà nghiên cứu tục ngữ Nguyễn Văn Nở ở Cần Thơ trong chuyên khảo của mình đã phát biểu một cách hình tượng và rất khiêm tốn khi nói về giá trị của tục ngữ: “Có thể nói mảnh đất của tục ngữ được cày xới nhiều và cũng đã đem lại bao mùa vàng cho người đọc. Những dòng đời phù sa bồi đắp không ngừng, nên cánh đồng tục ngữ vẫn mãi mênh mông, màu mỡ. Ánh sáng trí tuệ những hạt ngọc của tư tưởng dân gian lấp lánh trong lớp vỏ ngôn từ đã hấp dẫn chúng tôi dần thân tìm hiểu dù biết rằng mình đã dẫm chân trên những lối mòn mà bao người đã đi qua.”

Thế hệ nào cũng vậy, chạm đến kho báu dân gian vẫn phải có chính kiến của mình bằng những tâm huyết, nhiệt thành và giá trị khoa học của thể loại dân gian độc đáo.

Cũng bởi vậy, dẫu hơn thế kỷ, các định nghĩa tục ngữ hoặc thành ngữ là một công việc không hề đơn giản. Đó là một sự thực. Tục ngữ như là các thể loại dân gian khác, nó phản ánh đời sống và những biến đổi của con người, của xã hội qua hàng thế kỷ trước. Tục ngữ đem lại một hình thể đầy đủ của thực tế nhân học hợp thành, từ công cụ lao động như cách so sánh “Dốt đặc cán mai”, các con vật nuôi trong nhà thân thiện với con người như: “Lạc nhà bắt đuôi chó, lạc ngõ bắt đuôi trâu”, đến những dụng cụ thiết yếu luôn tác động đến đời sống như “Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”; hay sự miêu tả môi trường địa lý với cảnh quan khí hậu mang giá trị kinh nghiệm “Chớp đông nhay nháy, gà gáy trời mưa”; hoặc những lời dẫn chứng về sự kiện nhân vật lịch sử, “Hăm mốt Lê Lai, hăm hai Lê Lợi”; cả tiếng vọng của tín ngưỡng tôn giáo cổ xưa, “Đi với Bụt mặc áo cà sa, đi với ma mặc áo giấy” hay “Hiền như Bụt”, “Thần cây đa, ma cây gạo, cú cáo cây đề” và là một bức tranh chi tiết của xã hội đương thời. Nó được xem như là sự kết tinh của ngôn ngữ về vô số mặt của các mối quan hệ giữa con người với con người, con người với thiên nhiên, con người với xã hội.

Có thể có nhiều cách nhận thức về tục ngữ. Tuy nhiên sự sáng tạo của tư duy để tạo nên các tục ngữ hiểu ngay được thì tất cả mọi nhận thức đều phải thừa nhận.

Chẳng hạn khi muốn nói đến kinh nghiệm sống, luôn được con người đúc kết thì một câu tục ngữ chỉ 8 từ đã gói đủ như: “Đi một ngày đàng học một sàng khôn”. “Đi một ngày đàng” xem ra mới đọc qua ai cũng hiểu. Nhưng khi nói “một sàng khôn” thì tính biểu trưng hai chữ “sàng khôn” không phải ai nghe cũng hiểu ngay được. Vì “sàng” là một dụng cụ của người nông dân ở công đoạn “sàng” tách hạt gạo khi đã xay rời vỏ trấu. Như vậy “sàng” chỉ có người làm ruộng mới hiểu. Nhưng khi nó được dùng trong câu tục ngữ thì “sàng” lại

hoàn toàn khác, đó là “sàng” nhằm chỉ số nhiều, và còn có ẩn ý xa khác của nó là biết sàng, lọc, chọn lựa. Tóm lại, câu tục ngữ muốn nhấn mạnh đến việc con người cần có vốn sống thì phải lăn lộn với thực tế, từ số ít “đi một ngày đàng” để rồi sẽ được số nhiều “học một sàng khôn”. Câu tục ngữ là một lời khuyên, khuyên con người muốn có nhiều kinh nghiệm sống thì cần phải lăn lộn, xông xáo, trải nghiệm ngoài cuộc đời.

Hoặc khi nói đến mối quan hệ gia đình ruột rà, tình anh em cùng chung dòng máu đỏ thì có các câu tục ngữ quen đầu cửa miệng như: “Anh em như thể chân tay”, hay: “Anh em là ruột là rà/ Vợ, chồng tay áo cởi ra là rời”, hoặc “Máu loãng hơn nước trầu đậm”, “Môi hở răng lạnh, máu chảy ruột mềm”, “Tay đau, ruột xót”. Thậm chí khi anh em bất hòa, tạo nên mâu thuẫn gay gắt thì tục ngữ dạy: “Anh em chém nhau đàng sống không ai chém nhau đàng lưỡi”. “Cha chết đeo lưng chú, mẹ chết đeo vú dì”.

Rồi cả khi nói đến những đồ vật vô tri nhưng gần gũi, tục ngữ cũng vận dụng không kém phần sáng tạo, luôn hướng tới mục đích con người.

Chẳng hạn khi nói: “Đùi vò không cán”, mới nghe ra chẳng có gì là lạ vì chỉ là sự miêu tả, nhưng đặt vào hoàn cảnh những người phụ nữ khi chồng qua đời đã sống cuộc sống buông thả, lãng loạn, trăng hoa, không tu thân, bị xã hội phê phán: “Cô ta sống vậy bởi là “đùi vò không cán” mà!”. Nghĩa là loại đùi vò nhưng không có cán, nên lăn lóc thế nào cũng tùy, không ai khuyên can, cản ngăn gì được thì tính biểu trưng câu tục ngữ hoàn toàn khác.

Khi phê phán một gia đình sống không chuẩn mực, thiếu nề nếp, hay lục đục, lũng củng thì tục ngữ ví một cách hình tượng là: “Nhà dột từ nóc dột xuống”, hay “Con không cha như nhà không nóc”.

Lại có khi tục ngữ mượn con vật để chê bai

những con người chậm chạp, không nhanh nhẩu thì “Trâu chậm uống nước đục”, “Lừ đừ như ông tù vào đền”.

Nhưng nếu gặp con người quá láu cá, sống bất chấp nguyên tắc, thiếu ý thức trên, dưới thì: “Trâu nhảy cày bừa nhảy theo”. “Cỏ đòi đần lên đá”, “Trứng đòi khôn hơn vịt”, “Áo dài hơn tay”.

Nhưng khi nói đến quan hệ tơ duyên thì tục ngữ nêu: “Nồi tròn úp vung tròn, nồi méo úp vung méo” hay “Nồi nào vung nấy”. Nhưng có khi lấy vợ lấy chồng gặp may, trai đần lấy vợ khôn ngoan, hay gái nghèo khổ lấy được trai nhà giàu sang thì ý tưởng hoàn toàn ngược lại và tục ngữ lại nói: “Chuột sa chĩnh gạo” hay “Chuột sa bồ nếp”.

Trong nhiều trường hợp mối quan hệ gia đình mà chủ yếu là giữa chồng vợ có những cuộc xâu ầu, cãi vã vì lý do này, lý do nọ thì vẫn có những câu tục ngữ phản ánh như: “Giọt nước tràn ly”, “Cơm sôi bớt lửa”, hay một lời khuyên chí tình: “Chồng giận thì vợ bớt lời/ Cơm sôi nhỏ lửa chẳng đời nào khê”.

Khuyên con người lao động siêng năng cần mẫn, cù dày làm ăn thì có câu tục ngữ: “Kiến tha lâu đầy tổ”, “Năng nhặt chặt bị”, “Góp gió thành bão”.

Chê con người siêng ăn, nhác làm thì: “Ăn như thúng lủng khu”, “Ăn củi trồooc đầy nồoc kêo làng”, Không chịu làm mà muốn hưởng lợi thì “Dây máu ăn phần”, “Ăn tau đây, mần tay đâu”.

Chê người kém tổ chức gia đình thì “Việc nhà thì nhác, việc làng nác thì siêng”, “Ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng”, “Thấy người ta ăn khoai mình vác mai đi đào”, “Thấy người ta ăn cá mình đi vá chài”.

Nói đến dư luận xã hội thì: “Bung miệng thống không ai bung miệng thế” và “Trăm năm bia đá thì mòn/ Nghìn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ”, còn “Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn năm ba ngày đường”.

Nói đến chất lượng sản phẩm thì người xưa đã có cách đánh giá thật chuẩn xác: “Tốt nem hơn tốt lá”, “Tốt gỗ hơn tốt nước sơn/ Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người”.

Chê bai sự xảo trá, hình thức bên ngoài đánh lừa con mắt thì “Xấu che tốt khoe”, hoặc: “Hơn nhau tấm áo manh quần/ Cởi ra mình trần ai cũng như ai”, hoặc “Lụa vẫn cột cầu ngó lâu cũng đẹp”.

Nói đến vận mệnh đời người thì tục ngữ có câu: “Sông có khúc, người có lúc”, “Không ai giàu ba họ, không ai khó ba đời”, “Mỗi cây mỗi hoa, mỗi nhà mỗi cảnh”.

Khuyên về đạo lý làm người thì tục ngữ có: “Đói cho sạch rách cho thơm”, “Giấy rách phải giữ lấy lề”.

Trong hoạn nạn, khó khăn thì tục ngữ có những lời hay ý đẹp như: “Đói cho sạch, rách cho thơm”, “Lá lành đùm lá rách” hay “Lá rách ít đùm lá rách nhiều”.

Tục ngữ luôn dạy con người luôn biết nhớ công ơn người làm ra thành quả cho xã hội hưởng chung: “Uống nước nhớ nguồn; Ăn quả nhớ người trồng cây”

“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Ăn gạo nhớ kẻ đâm xay giã sàng”

“Ăn quả nhớ kẻ trồng cây

Ăn khoai nhớ kẻ cho dây mà trồng”

Kho tục ngữ đã được nhiều đời đúc kết mà có. Ngày nay kho lý lẽ ấy càng được bổ sung thêm. Sự bổ sung có thể có nhiều cách, như làm mới, kiểu sáng tạo, như cải tiến cách thể hiện để được hoàn chỉnh hơn. Có thể nói, Bác Hồ là người đi đầu trong sự vận dụng sáng tạo này. Chẳng hạn khi nói về đạo đức cách mạng, Bác viết: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố cũng như “Ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Câu tục ngữ vận dụng đặt đúng chỗ nên tăng thêm ý nghĩa câu nói, nói ít mà hiệu quả cao. Hay trong bài “Sửa đổi lề lối làm

việc’, Bác Hồ đã thẳng thắn phê phán những người sống cơ hội như: “Lại có những người trước mặt thì ai cũng tốt, sau lưng thì ai cũng xấu. Thấy xôi thì nói ngọt, thấy thịt thì nói bùi”, “Theo gió bẻ buồm”, không có khí khái. Thêm một ví dụ khác về cách vận dụng tục ngữ của Bác để thấy thêm sự nhuần nhuyễn của bút pháp Người. Trong cuốn sách Người viết về Đạo đức cách mạng: “Nếu Đảng viên tư tưởng và hành động không nhất trí, thì khác nào một mớ cắt rời: “Trông đánh xuôi kèn thổi ngược”. Như vậy thì không thể lãnh đạo quần chúng, không thể làm cách mạng”. Người còn viết để mở rộng thêm câu tục ngữ “Uống nước nhớ nguồn” như sau: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo”. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì?”.

Như chúng ta đã thừa nhận với nhau, tục ngữ phát sinh từ trong cuộc sống. Bởi vậy đến nay nó vẫn tiếp tục phát triển, sinh thành như chính cuộc sống không bao giờ ngừng nghỉ.

Trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, Bác Hồ đã tạo ra nhiều tục ngữ mới. Khi Người nói về sự đoàn kết là sức mạnh vượt qua mọi trở lực, Người đã nhấn mạnh: “Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”, hoặc trong lời kêu gọi chống Mỹ cứu nước, một câu nói đã nằm lòng với dân tộc Việt Nam hôm nay và mãi mãi “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Hoặc trong các phong trào cách mạng quần chúng đã sáng tạo ra nhiều câu châm ngôn trở thành tục ngữ mới như: “Xe chưa qua nhà không tiếc, đường chưa thông không tiếc

máu xương”, phục vụ cho những chiến dịch vận chuyển hàng hóa, vũ khí vào chiến trường miền Nam thì có: “Cho không lấy, thấy không xin, của công giữ gìn, của tư trả lại”. Ở Quảng Bình khi Mỹ leo thang bắn phá miền Bắc thì có lời thề: “Bốn mươi vạn nhân dân Quảng Bình quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. (Cách đây trên 40 năm dân Quảng Bình có 40 vạn).

Trong sản xuất, chống hạn thì có: “Nghiêng đồng đổ nước ra sông”, “Vắt đất ra nước, thay trời làm mưa”, “Cây thừa thừa đất, cây dày lúa chất đầy kho”, “Bắt núi cao cúi đầu, bắt sông sâu dừng bước”, “Đảng viên đi trước, làng nước theo sau”,...

Chống tiêu cực thì có: “Thủ kho to hơn thủ trưởng”, “Một người làm việc bằng hai, để ông chủ nhiệm mua đài mua xe”.

Hay trong chọn nghề thì “Nhất y, nhì dược, tạm được bách khoa, sư phạm bỏ qua, nông lâm bỏ xỏ”, “Chuột chạy cùng sào thì vào sư phạm”.

Vào lính đi nghĩa vụ thì “Nhất xanh cỏ, nhì đỏ ngực”.

Gây hài hước, miệt thị một hiện tượng chất lượng đào tạo thì “Dốt như chuyên tu, ngu như tại chức”.

Tục ngữ thuộc về lời nói, hình thành từ trong lời nói giao tiếp hàng ngày nhưng dần dần được nâng lên nghệ thuật hóa. Tục ngữ hình thành từ trong lời nói nhưng tục ngữ và lời nói không phải là một. Cái đã được chung cất, tinh luyện, cái còn ở dạng thô tự nhiên. Lời nói của tục ngữ là lời nói đã được gia công gọt giũa không thua gì một tác phẩm nghệ thuật như Nhật Bản có thơ Haiku, Việt Nam có lục bát hai câu vậy. Tục ngữ là những câu có cấu trúc hoàn chỉnh phản ánh những tri thức dân gian, kinh nghiệm và phương châm sống dân gian của dân tộc về tự nhiên cũng như xã hội nên nó đầy đủ tư cách một tác phẩm giàu tính sáng tạo của tư duy, một thể loại cụ thể ■